



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT NET
NĂM 2024**

Đồng Nai, ngày 21 tháng 3 năm 2025

MỤC LỤC

PHẦN 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY	3
1. Khái quát chung	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh	4
4. Hệ thống phân phối hàng hóa	5
5. Địa bàn hoạt động sản xuất kinh doanh	5
6. Các giải thưởng tiêu biểu	7
7. Danh mục sản phẩm của Công ty.....	7
8. Cơ cấu tổ chức	9
9. Công ty con, Công ty liên kết và các khoản đầu tư khác	10
10. Định hướng phát triển	10
11. Các nhân tố rủi ro.....	11
PHẦN 2: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024	13
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2024	13
2. Tổ chức và nhân sự	14
3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án.....	17
4. Tình hình tài chính	18
5. Cơ cấu cổ đông:	18
6. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:	19
7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội	19
PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC.....	22
1. Tổng kết tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2024:	22
2. Mục tiêu kinh doanh năm 2025.....	23
3. Chiến lược và kế hoạch kinh doanh năm 2025:	23
PHẦN 4: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
1. Báo cáo tình hình hoạt động năm 2024:.....	24
2. Báo cáo kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng Quản trị:	24
3. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty:.....	25
4. Kế hoạch hoạt động năm 2025.....	26
PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY	27
1. Hội đồng quản trị	27
2. Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng Quản trị:	30
3. Lương, thưởng, thù lao của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc phát sinh trong năm 2024:	31
4. Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ trong năm 2024.....	32
5. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty	32
PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024 KIỂM TOÁN	34

PHẦN 1: GIỚI THIỆU TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY

1. KHÁI QUÁT CHUNG

- **Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Bột giặt NET (sau đây gọi là “Công ty”, “NETCO”)
- **Tên giao dịch:** Công ty Cổ phần Bột giặt NET
- **Tên viết tắt:** NETCO
- **Tên Tiếng Anh:** NET Detergent Joint Stock Company
- **Mã cổ phiếu:** NET
- **Vốn điều lệ:** 223.983.740.000 đồng
- **Trụ sở chính:** Đường D4, KCN Lộc An – Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.
- **Điện thoại:** 0251.3682102 – 0251.3682103
- **Fax:** 0251.3682106
- **Email:** botgiatnet@netcovn.com.vn
- **Website:** www.netcovn.com.vn
- **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp** có mã số 3600642822, đăng ký lần đầu ngày 01/07/2003 do Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Đồng Nai cấp, được cập nhật thay đổi tại từng thời điểm.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

- **Năm 1968**, Công ty Bột giặt NET (có tiền thân là Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty) được thành lập.
- **Năm 1972**, Công ty hoàn thành xây dựng và được đưa vào sản xuất với công suất 5.800 tấn sản phẩm/năm.
- **Năm 1975**, khi đất nước thống nhất, Việt Nam Tân hóa phẩm Công ty được Chính phủ Việt Nam quốc hữu hóa và trưng mua, đổi tên thành Nhà máy Bột giặt Đồng Nai hạch toán dưới dạng báo sổ trực thuộc Công ty Bột giặt Miền Nam.
- **Năm 1990**, nhà máy chuyển từ hình thức hạch toán phụ thuộc sang hình thức hạch toán độc lập. Đây cũng là năm mà nhà máy thay đổi toàn bộ nhân sự mới.
- **Năm 1992**, Nhà máy chuyển thành Công ty Bột giặt NET trực thuộc Tổng công ty hóa chất công nghiệp và hóa chất tiêu dùng – Bộ Công nghiệp nặng, đồng thời nhận lại Nhà máy Mỹ phẩm Bình Đông và chuyển chi nhánh NET.
- **Năm 1994**, Công ty đầu tư đổi mới công nghệ, kỹ thuật và áp dụng cơ chế quản lý mới, phù hợp tình hình phát triển thực tế. Lần đầu tiên sản phẩm bột giặt White NET được ra mắt tại thị trường Việt Nam.
- **Năm 1998**, Công ty khánh thành Chi nhánh NET tại Hà Nội với một tháp Bột giặt có công suất 10.000 tấn bột giặt/năm.

- **Năm 2003**, Công ty chính thức cổ phần hóa, đổi tên thành Công ty Cổ phần Bột giặt NET với số vốn điều lệ là 22 tỷ đồng, trong đó nhà nước giữ 51% vốn.
- **Năm 2007**, Công ty nâng vốn điều lệ từ 22 tỷ đồng lên 33 tỷ đồng được trích từ lợi nhuận và quỹ đầu tư.
- **Năm 2009**, Công ty nâng vốn từ 33 tỷ đồng lên thành 45 tỷ đồng từ lợi nhuận và quỹ đầu tư phát triển. Đến thời điểm 2009, công suất nhà máy tại Khu công nghiệp Biên Hòa 1 (Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai) đã được nâng lên 140.000 tấn/năm.
- **Năm 2010**, Công ty chính thức thực hiện giao dịch cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Từ đó khẳng định và cam kết tính minh bạch cũng như nâng cao khả năng huy động vốn. Chiến lược phát triển bền vững: giữ vững và phát triển thị trường xuất khẩu; tiến sâu vào thị trường nội địa.
- **Năm 2011**, Công ty nâng vốn điều lệ từ 45 tỷ đồng lên 79,99 tỷ đồng. Nguồn hình thành từ lợi nhuận và quỹ đầu tư phát triển.
- **Năm 2014**, Công ty tiếp tục nâng vốn điều lệ lên 159,99 tỷ đồng do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- **Năm 2016**, Công ty tăng vốn điều lệ lên 223,98 tỷ đồng do phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quy mô vốn gấp 10 lần so với lúc vừa hình thành. Tại thời điểm 2016, công suất Nhà máy tại Hà Nội đã được nâng lên 70.000 tấn/năm.
- **Năm 2017**, khánh thành nhà máy mới tại Khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với quy mô hiện đại, tối đa hóa tự động, mở ra thời kỳ tự động hóa gắn liền với năng suất, chất lượng.
- Năm 2018 đến nay Công ty không có biến động về vốn điều lệ.

3. NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	MÃ NGÀNH	TÊN NGÀNH
1	2023 (chính)	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng, chế phẩm vệ sinh.
2	2029	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu
3	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
4	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn các loại vật tư, hóa chất ngành tẩy rửa (trừ hóa chất độc hại mạnh)
5	4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).

6	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Cho thuê kho, nhà xưởng, văn phòng
7	4610	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa

4. HỆ THỐNG PHÂN PHỐI HÀNG HÓA

- Đối với thị trường nội địa, Công ty duy trì kênh GT truyền thống hiện hữu của NETCO từ khu vực Nam Miền Trung trở vào khu vực Miền Nam. Khu vực Bắc Miền Trung trở ra được tích hợp với hệ thống phân phối hàng hóa của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan (sau đây gọi là “Tập đoàn Masan”) cho cả kênh GT và MT. Hiện tại, mạng lưới phân phối của Tập đoàn Masan rất sâu rộng và tăng trưởng vô cùng nhanh chóng, mạnh mẽ đã giúp các sản phẩm của NETCO được bao phủ và tiếp cận thị trường nhanh chóng.
- Với kinh nghiệm hơn 20 năm kinh doanh hàng tiêu dùng nhanh, ngoài hệ thống nhà phân phối, đại lý lớn, Tập đoàn Masan còn sở hữu mạng lưới với hơn 3.000 siêu thị WinMart và cửa hàng WinMart+ phủ rộng khắp Việt Nam với hàng triệu khách hàng cũng là một kênh giúp cho các sản phẩm của NETCO được tiếp cận người tiêu dùng một cách nhanh nhất, góp phần đẩy mạnh định vị thương hiệu NET và mở rộng thị trường tiêu thụ ra phía Bắc.
- Công ty vẫn duy trì kênh bán hàng Horeca cho các khách hàng ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.
- Đối với thị trường xuất khẩu: NETCO xuất khẩu hàng hóa ra thị trường nước ngoài thông qua việc gia công sản phẩm cho một số khách hàng đối tác lớn và xuất khẩu hàng hóa dưới thương hiệu NET đến các thị trường khó tính như Nhật Bản, Úc, New Zealand, Campuchia, UAE, Afghanistan, Ấn Độ, Singapore, Papa New Guinea, Mongolia, Gabon, Philippines,...

5. ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Tên nhà máy/ cơ sở sản xuất/ chi nhánh kinh doanh dịch vụ	Địa chỉ	Tỉnh/thành phố
1	Công ty Cổ phần Bột Giặt NET (là trụ sở chính)	Đường D4, Khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn, Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành	Đồng Nai
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bột Giặt NET tại Thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai (Chi nhánh)	Đường số 8, Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa	Đồng Nai
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bột Giặt NET tại Thành phố Hồ Chí Minh (Chi nhánh)	617-629 Bến Bình Đông, Phường 13, Quận 8	TP. HCM

STT	Tên nhà máy/ cơ sở sản xuất/ chi nhánh kinh doanh dịch vụ	Địa chỉ	Tỉnh/thành phố
4	Chi nhánh Công ty Cổ phần Bột Giặt NET (Chi nhánh)	KM số 1, đường Phan Trọng Tuệ, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì	Hà Nội



*Trụ sở chính Công ty tại Đường D4, Khu công nghiệp Lộc An – **Bình Sơn**, xã Bình Sơn, huyện Long Thành, Đồng Nai*

6. CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Với những nỗ lực trong việc cải tiến chất lượng sản phẩm và dịch vụ, NETCO đã đạt được những giải thưởng, chứng nhận:

a) Chứng nhận hệ thống:

- Chứng nhận BRC - Tiêu chuẩn toàn cầu của Hiệp hội bán lẻ Anh cho sản phẩm tiêu dùng: dòng sản phẩm Chăm sóc cá nhân và gia dụng.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý thực hành tốt mỹ phẩm ISO 22716:2007.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018.
- Chứng nhận Hệ thống quản lý năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 50001:2018.

b) Các giải thưởng:

- Giấy chứng nhận đạt danh hiệu Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, do Liên đoàn lao động tỉnh Đồng Nai cấp.
- Huân chương lao động hạng ba năm 1995, huân chương lao động hạng nhì năm 2007, do chủ tịch nước CH XHCN VN trao tặng.
- Cờ đơn vị xuất sắc phong trào thi đua do Chính Phủ và Bộ Công Thương trao tặng.
- Tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ nộp thuế 2007, do Cục thuế tỉnh Đồng Nai tuyên dương.
- Sản phẩm dịch vụ xuất sắc 2008, do Tạp chí Doanh nghiệp và Hội nhập bình chọn.
- Top 100 Thương hiệu hàng đầu Việt 2008, 2009 do Tạp chí Thương hiệu Việt bình chọn.
- Top 100 thương hiệu – nhãn hiệu uy tín năm 2013, do bạn đọc Tạp chí Doanh nghiệp và Đầu tư và người tiêu dùng bình chọn.
- Top 100 sản phẩm tốt nhất cho gia đình và trẻ em lần thứ VI – năm 2019, 2020, 2021, do Báo Lao động và Xã hội bình chọn.
- Top 329 doanh nghiệp niêm yết đạt chuẩn CBTT năm 2020 Do Hiệp hội Các nhà Quản trị Tài chính Việt Nam, Vietstock và Tạp chí điện tử Tài chính và Cuộc sống bình chọn.
- Công ty Cổ phần Bột Giặt NET ghi danh trong Bảng xếp hạng PROFIT500 - Top500 Doanh nghiệp lợi nhuận tốt nhất Việt Nam năm 2022 do Công ty Cổ phần Báo cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp cùng Báo VietnamNet công bố dựa trên kết quả nghiên cứu và đánh giá độc lập của Vietnam Report.
- 16 năm liên tục đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao 2008-2024 do người tiêu dùng bình chọn.

7. DANH MỤC SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Bột giặt NET cung cấp các sản phẩm chính mang thương hiệu NET và các sản phẩm gia công như sau:

Dòng sản phẩm về bột giặt, nước giặt, nước xả vải



Dòng sản phẩm về nước rửa chén





Thị trường tiêu thụ của các nhóm sản phẩm này được chia thành 3 nhóm:

- Nhóm các sản phẩm tiêu thụ tại thị trường nội địa:

Tại thị trường nội địa, NETCO chọn cho mình con đường riêng để đến với người tiêu dùng bằng tấm lòng của một nhà sản xuất chân chính, luôn giữ chữ “TÍN” với khách hàng qua “CHẤT LƯỢNG & GIÁ CẢ”. Vì vậy, so với sản phẩm của các công ty khác, các sản phẩm của NETCO luôn dành được sự chấp nhận và tin tưởng của đông đảo người tiêu dùng.

- Nhóm các sản phẩm xuất khẩu:

NET cung ứng một lượng lớn các sản phẩm bột giặt, nước rửa chén cho thị trường xuất khẩu như: Nhật Bản, Úc, New Zealand, Campuchia, UAE, Afghanistan, Ấn Độ, Singapore, Papa New Guinea, Mongolia, Gabon, Philippines, ...

- Nhóm các sản phẩm nhận gia công Thị trường nội địa và xuất khẩu:

Nhờ vào nền tảng tốt về cơ sở vật chất, kỹ thuật và công nghệ sản xuất tiên tiến đã đưa NETCO trở thành đối tác chiến lược của Unilever Asia; đối tác của Khách hàng New Zealand; đối tác của Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan gia công các sản phẩm mang thương hiệu Joins, Homey, Chante, Sopa.

8. CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty hoạt động theo mô hình: Đại hội đồng Cổ đông; Hội đồng Quản trị (bao gồm Ủy ban Kiểm toán) và Tổng Giám đốc.

- Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông bầu ra Hội đồng Quản trị, cơ quan quản lý cao nhất. Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng để trực tiếp điều hành Công ty. Công ty có cơ cấu khá đầy đủ phòng ban chuyên môn và một nhà máy sản xuất đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của công ty hiện tại và tương lai.
- Hội đồng Quản trị quyết định tất cả những vấn đề quan trọng liên quan đến Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công

ty. Hiện nay, Hội đồng Quản trị của Công ty bao gồm 07 thành viên, hoạt động theo nhiệm kỳ 05 năm. Nhiệm kỳ hiện tại của Hội đồng Quản trị là từ năm 2021 đến năm 2026.

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

9. CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ KHÁC

- **Công ty con:** không có.
- **Công ty liên kết:** không có.
- **Khoản đầu tư khác:** Công ty có khoản đầu tư khác vào Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ, tương đương 10,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Rau quả Cần Thơ. Công ty này đã ngưng hoạt động.

10. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- **Giá trị cốt lõi:** “Chính trực – Tôn trọng – Hợp tác”
- **Mục tiêu hoạt động của Công ty:**

Mục tiêu hoạt động của Công ty là không ngừng nâng cao lợi ích của các cổ đông và người lao động, trên cơ sở hướng tới trở thành một nhà sản xuất lớn về chất tẩy rửa tại Việt Nam và Châu Á; đảm bảo công ty phát triển bền vững trên cơ sở áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến và tự động hóa quá trình sản xuất; đảm bảo môi trường sản xuất tốt nhất cho người lao động; tích cực hội nhập với kinh tế quốc tế.

- **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

NETCO tin rằng, những chiến lược trung và dài hạn sẽ trở thành kim chỉ nam giúp cho các mục tiêu của Công ty trở thành hiện thực một cách vững chắc, mang đến giá trị tăng thêm cho quý cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và các đối tác. Cụ thể, Công ty đã đề ra các chiến lược trung và dài hạn sau:

- Tiếp tục công tác định vị thương hiệu NET, xây dựng hình ảnh sản phẩm với chất lượng tốt, giá cả hợp lý, mở rộng hệ thống phân phối tại thị trường nội địa và vươn ra hơn nữa thị trường thế giới. Từng bước thay đổi diện mạo, nâng cao giá trị hình ảnh thương hiệu nhằm phục vụ và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng Việt.
- Phân tích tình hình thị trường, đưa ra và thực hiện các kế hoạch, chính sách phù hợp với mô hình hoạt động của NETCO để hạn chế những rủi ro ảnh hưởng đến sự phát triển của Công ty.
- Nghiên cứu nhu cầu, mẫu mã sản phẩm, chất lượng vượt trội, đa dạng các đối tượng khách hàng để phục vụ và nhắm đến mục tiêu không giới hạn trong nội địa và xuất khẩu, khách hàng đang sử dụng sản phẩm mang thương hiệu NET và những khách hàng tiềm năng.
- Chú trọng vào công nghệ sản xuất, cải tiến hệ thống sản xuất theo hướng tự động hóa, giảm sức người, tăng hiệu suất lao động, từng bước đưa NETCO trở thành Công ty nằm trong chuỗi cung ứng chất tẩy rửa không chỉ tại Việt Nam mà còn mang tầm khu vực.

- Phát triển quản trị nguồn nhân lực, trở thành một doanh nghiệp có môi trường làm việc mà tại đó nhân viên có thể phát huy tốt nhất khả năng, đóng góp vào thành tựu chung của Công ty.
- Phát triển Công ty dựa trên nền tảng phát triển bền vững song hành cùng trách nhiệm với xã hội, thông qua việc tạo ra những sản phẩm giá trị cho con người, nâng cao chất lượng đời sống của người lao động, tuân thủ các chuẩn mực bảo vệ môi trường và hành động vì lợi ích cộng đồng.

11. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

a) Rủi ro về tỷ giá

- Vì nguyên vật liệu đầu vào của Công ty được nhập khẩu chính từ Trung Quốc, các nước Châu Âu và các sản phẩm được tiêu thụ tại nhiều quốc gia khác nhau như Nhật Bản, Úc, New Zealand, Campuchia, UAE, Afghanistan, Ấn Độ, Singapore, Papua New Guinea, Mongolia, Gabon, Philippines,... nên hoạt động kinh doanh của NETCO chịu áp lực từ sự biến động của thị trường tài chính quốc tế.
- Rủi ro tỷ giá là loại rủi ro mà doanh nghiệp luôn ở thế bị động và khó có khả năng ứng phó nhất. Thời gian gần đây, tỷ giá biến động mạnh và khó dự đoán do những bất ổn tình hình kinh tế - chính trị thế giới (lạm phát kinh tế, xung đột chính trị,...). Hoạt động xuất khẩu của NETCO chưa hẳn được hưởng lợi bởi biến động tăng tỷ giá do Công ty cũng phải nhập khẩu nguyên liệu từ nước ngoài. Ngân hàng Nhà nước đã có những chính sách điều hành để giữ tỷ giá luôn ổn định nhưng Công ty vẫn gặp khó khăn trong việc thu tiền về và có thể là nguy cơ mất cân bằng về tiềm lực tài chính nếu không kiểm soát tốt.
- Để giảm thiểu rủi ro này, Ban điều hành NETCO luôn theo sát biến động của tỷ giá, tính toán chi tiết thời hạn thanh toán các Hợp đồng nhập khẩu nguyên vật liệu và cân đối kế hoạch dòng tiền, ngoại tệ. Đồng thời chủ động theo dõi diễn biến tiền tệ quốc tế để kịp thời điều chỉnh chính sách và kế hoạch kinh doanh.

b) Rủi ro về giá nguyên vật liệu

- Thành phần nguyên liệu chính của sản phẩm bột giặt mà NETCO sản xuất chính là LAS - được chiết xuất từ sản phẩm của dầu mỏ (parafin) nên sự biến động của tình hình kinh tế - xã hội thế giới ảnh hưởng trực tiếp đến giá cả nguyên vật liệu của Công ty. Năm 2024, nguyên liệu này tăng giá cao làm ảnh hưởng đến biên lợi nhuận của Công ty.
- Để điều tiết rủi ro nguyên vật liệu, NETCO đã tìm kiếm nguyên vật liệu chất lượng từ nhiều nguồn khác nhau để giảm thiểu sự phụ thuộc vào một nhà cung cấp, duy trì nguồn cung khi có biến động xảy ra. Đồng thời, Ban lãnh đạo công ty đã tham gia các hợp đồng bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu để tránh các tổn thất không mong muốn.

c) Rủi ro cạnh tranh

- Những năm gần đây mức độ cạnh tranh trên thị trường bột giặt, chất tẩy rửa chưa bao giờ giảm sức nóng. Các thương hiệu nội địa chưa có chỗ đứng vững chắc vừa phải cạnh tranh lẫn nhau vừa phải cạnh tranh với các thương hiệu ngoại với ưu thế, bề dày kinh nghiệm chinh chiến ở các thị trường đa quốc gia, tiềm lực tài chính mạnh, chiến lược quảng cáo, khuyến mại lớn điều này gây rất nhiều khó khăn cho doanh nghiệp nội địa.

- Để nâng cao năng lực cạnh tranh, NETCO đang dần khẳng định chỗ đứng của mình bằng chiến lược riêng. Công ty luôn tìm kiếm nguồn nguyên liệu chất lượng với chi phí thấp để tạo sự khác biệt và mang lại hiệu quả bán hàng. Song song đó, Công ty nghiên cứu thị trường, định vị thương hiệu bằng cách đẩy mạnh marketing và tận dụng tối đa hệ sinh thái phân phối của Tập đoàn Masan nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ và tiếp cận tới nhiều phân khúc khách hàng khác nhau.

d) Rủi ro thay đổi hành vi tiêu dùng

- Thói quen sử dụng các thương hiệu bột giặt và chất tẩy rửa của người tiêu dùng Việt Nam khác nhau theo từng vùng miền và có những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định mua sắm của họ. Người tiêu dùng sẵn sàng thay đổi thương hiệu bột giặt và các chất tẩy rửa đang sử dụng nếu các nhãn hiệu khác có những ưu điểm vượt trội hơn về chất lượng, thiết kế bao bì, hương thơm, quảng cáo, khuyến mãi,... Như vậy, nếu không đổi mới và cải tiến thì thương hiệu sản phẩm Công ty sẽ dễ bị người tiêu dùng lãng quên.
- Bên cạnh đó, nền kinh tế Việt Nam chưa được phục hồi mạnh mẽ, kinh tế khó khăn hơn khiến người tiêu dùng phải cân đối kế hoạch mua sắm các sản phẩm tẩy rửa, vệ sinh và có xu hướng lựa chọn các sản phẩm giá rẻ.
- Chính vì vậy, NETCO thúc đẩy nghiên cứu tìm hiểu nhu cầu, phân tích thị hiếu người tiêu dùng và đưa ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu khách hàng với giá cả hợp lý nhưng vẫn được chất lượng sản phẩm cao. Ngoài ra, thông qua các chương trình quảng cáo, khuyến mãi, của Công ty, người tiêu dùng sẽ có cảm nhận tốt về sản phẩm, nâng cao nhận biết về thương hiệu, kích thích tò mò và trải nghiệm tạo ra động lực tiêu dùng,... Từ đó, các chương trình marketing trên tạo sự kết nối lâu dài giữa thương hiệu và người tiêu dùng.

e) Rủi ro pháp luật

- NETCO có nghĩa vụ tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định pháp luật như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Kế toán – thuế, Luật Hóa chất, Luật Thương mại, Luật bảo vệ môi trường, Luật phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ,... trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. Những quy định luật này thường xuyên được chỉnh sửa do đó trong quá trình hoạt động, Ban lãnh đạo Công ty luôn liên tục theo dõi và cập nhật để kịp thời điều chỉnh quy định nội bộ, điều lệ phù hợp với sự thay đổi của pháp luật và góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

f) Rủi ro bất khả kháng

- Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, cháy nổ,... là những rủi ro bất khả kháng và nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn về con người, về tài sản và tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty đã thực hiện các phương án giúp giảm thiểu các thiệt hại như mua bảo hiểm cho người lao động; bảo hiểm về tài sản, nhà xưởng; lắp đặt hệ thống báo cháy, chữa cháy, tập huấn phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân viên và các biện pháp bảo đảm an ninh, an toàn khác.

PHẦN 2: BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2024

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2024

- Kết quả **doanh thu thuần đạt 1.653 tỷ đồng**, tương đương 87% so với kế hoạch (mức thấp) năm 2024 được phê duyệt và giảm 9% so với thực hiện năm 2023
- Kết quả **lợi nhuận sau thuế đạt 207 tỷ đồng**, tương đương 148% so với kế hoạch (mức thấp) năm 2024 được phê duyệt và tăng 16% so với thực hiện năm 2023.

Một vài chỉ tiêu tài chính khác (ĐVT: triệu đồng)

ST T	Doanh thu thuần	Năm 2024	Năm 2023	Tỷ lệ tăng/giảm
1	Doanh thu thuần	1.652.662	1.809.653	-9%
2	Lợi nhuận từ HĐKD	257.907	203.090	27%
3	Lợi nhuận khác	399	1.831	-78%
4	Lợi nhuận trước thuế	258.306	204.921	26%
5	Lợi nhuận sau thuế	206.624	178.435	16%
6	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	9.225	7.966	16%

Biến động về doanh thu thuần:

Cơ cấu doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán hàng	1.644.578	99,51%	1.800.892	99,52%
Doanh thu dịch vụ	4.842	0,29%	5.266	0,29%
Doanh thu khác	3.242	0,20%	3.495	0,19%
Tổng cộng	1.652.662	100%	1.809.653	100%

Doanh thu thuần của Công ty năm 2024 đạt 1.653 tỷ đồng, giảm 9% so với năm 2023. Trong đó doanh thu bán hàng chiếm tỷ trọng 99,51%. Doanh thu thuần giảm chủ yếu do doanh thu sản phẩm bột giặt và nước rửa chén giảm nhiều hơn so với mức tăng doanh thu của sản phẩm nước giặt.

Cơ cấu doanh thu theo thị trường (ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2023	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu trong nước	1.429.472	86,50%	1.576.108	87,09%
Doanh thu xuất khẩu	223.190	13,50%	233.545	12,91%

Tổng cộng	1.652.662	100%	1.809.653	100%
------------------	------------------	-------------	------------------	-------------

Phân tích doanh thu thuần theo thị trường, trọng yếu vẫn là thị trường trong nước chiếm tỷ trọng 86,5% và thị trường xuất khẩu chiếm 13,5%. So với năm 2023 thì doanh thu trong nước giảm 9,30% với giá trị giảm khoảng 147 tỷ; doanh thu xuất khẩu giảm 4,43% với giá trị giảm khoảng 10 tỷ.

Biến động chi phí (ĐVT: Triệu đồng)

ST T	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2023	Tỷ lệ tăng/giảm
1	Giá vốn hàng bán	1.225.768	1.332.850	-8%
2	Chi phí tài chính	11.864	14.722	-19%
3	Chi phí bán hàng	142.764	243.844	-41%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.400	38.493	-16%
5	Chi phí khác	6	369	-98%
Tổng cộng		1,412,803	1.630.278	-13%

Năm 2024, chi phí giảm 13%:

- giá vốn hàng bán giảm tương ứng với mức giảm của doanh số.
- chi phí tài chính giảm do biến động của chi phí lãi vay.
- chi phí bán hàng quản lý giảm, chủ yếu do việc kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động đóng góp đáng kể vào sự cải thiện lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trước thuế TNDN của Công ty.

Biến động Lợi nhuận sau thuế TNDN

Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty năm 2024 đạt 207 tỷ đồng tăng 16% so với thực hiện năm 2023 và đạt 148% so với kế hoạch mức thấp. Lợi nhuận sau thuế TNDN biến động chủ yếu do các chỉ tiêu sau:

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh trước thuế TNDN của công ty tăng 29%, do các yếu tố sau:
 - ✚ doanh thu thuần giảm 9% chủ yếu do doanh thu sản phẩm bột giặt và nước rửa chén giảm nhiều hơn so với mức tăng doanh thu của sản phẩm nước giặt.
 - ✚ mức giảm của doanh thu cản trở với mức giảm nhiều hơn của chi phí hoạt động do kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động. Việc kiểm soát hiệu quả chi phí hoạt động đóng góp đáng kể vào sự cải thiện lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh trước thuế TNDN của Công ty tăng 29% so với năm trước.
- Thu nhập thuần hoạt động tài chính giảm 28% so với năm trước chủ yếu do thu nhập tài chính thấp hơn năm trước.

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

2.1 BAN ĐIỀU HÀNH:

a) Thành viên và cơ cấu thành phần của Ban điều hành:

STT	Thành viên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu (*)
1	Ông Mai Đức Lâm <i>(kể từ 01/3/2024)</i>	Tổng Giám đốc	0%
2	Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc	0%
3	Ông Nguyễn Thành Luân	Kế toán trưởng	0%

b) Chức danh mà các thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ tại các công ty khác:

1. Ông Mai Đức Lâm:

- ◆ Ngày sinh: 23/3/1974.
- ◆ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế (MBA), cử nhân Hóa Học.
- ◆ Chức vụ tại Công ty: Tổng Giám đốc *(giữ chức vụ từ ngày 01/3/2024)*.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có.

2. Ông Phạm Quốc Cường

- ◆ Ngày sinh: 10/01/1971.
- ◆ Trình độ chuyên môn: Cử nhân hóa học.
- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: không có.

3. Ông Nguyễn Thành Luân

- ◆ Ngày sinh: 01/01/1985.
- ◆ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng Quản trị và chủ tịch Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Nước khoáng Vĩnh Hảo; Kế toán trưởng Công ty TNHH Masan HG 2; Kế toán trưởng Công ty TNHH Masan Long An; Kế toán trưởng Công ty TNHH Một thành viên Nam Ngư Phú Quốc.

2.2 NGUỒN LAO ĐỘNG

a) Số lượng cán bộ công nhân viên: tính đến ngày 31/12/2024, tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty là 303 người.

b) Chính sách nhân sự, phúc lợi

 **Môi trường làm việc**

- Những thành công mà NETCO đạt được hôm nay đều được tạo nên bởi tài sản quý giá nhất đó chính là nguồn nhân lực có trình độ, có tay nghề, đam mê công việc và luôn gắn bó với Công ty dù trải qua nhiều giai đoạn khó khăn.
- Công ty luôn xây dựng văn hóa doanh nghiệp và tạo ra môi trường làm việc năng động, công bằng, thúc đẩy thành công, là nơi mà mỗi một nhân viên đều có cơ hội được làm việc, rèn luyện, phát triển sự nghiệp. Công ty luôn kiên định trong mục tiêu xây dựng và gìn giữ một môi trường làm việc chuyên nghiệp, tạo điều kiện cho các cán bộ công nhân viên thỏa sức sáng tạo, phát huy năng lực, trình độ của mình và hợp tác với nhau hướng tới sự phát triển chung của Công ty cũng như sự phát triển của từng cá nhân.

Chính sách người lao động

- Yếu tố con người luôn được chú trọng phát triển và được xem là yếu tố then chốt đồng hành cùng sự thành công của NETCO. Do đặc thù ngành nghề kinh doanh tác động lớn đến sức khỏe con người nên công tác chăm sóc sức khỏe người lao động rất được quan tâm.
- Công ty cam kết tạo việc làm cho người lao động và tổ chức nguồn nhân lực một cách tối ưu nhất đảm bảo tạo mọi điều kiện để nhân viên phát triển thăng tiến trong nghề nghiệp
- Tất cả nhân viên đều được đối xử bình đẳng và được bảo vệ thích đáng trước mọi hành vi phân biệt đối xử trong việc làm hoặc nghề nghiệp.
- Công ty cam kết không sử dụng lao động trẻ em và lao động cưỡng bức dưới mọi hình thức.
- Chính sách nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng trong việc giữ chân người lao động, đặc biệt trong thị trường lao động cạnh tranh như hiện nay, do đó, Công ty luôn chú trọng cải tiến chính sách lương, thưởng, đào tạo phát triển nguồn nhân lực để mọi người lao động đều có cơ hội thể hiện và phát triển được năng lực cá nhân.

Chính sách lương, thưởng

- Chính sách lương, thưởng của NETCO có tính cạnh tranh trên cơ sở khảo sát lương của thị trường lao động. Công ty luôn tuân thủ quy định của Luật Lao động về quy chế tiền lương và các cam kết với người lao động.
- Công tác tiền lương được thực hiện nghiêm ngặt theo quy định của Pháp luật lao động, tuyệt đối tuân thủ quy chế tiền lương và các cam kết với người lao động. Người lao động được hưởng các chế độ thu nhập, tiền thưởng theo quy chế rõ ràng. Chính sách thưởng được thực hành trên cơ sở bộ công cụ đánh giá thực hiện công việc.

Chính sách phúc lợi

- Công ty luôn quan tâm đời sống vật chất, tinh thần của nhân viên, gắn kết và gia tăng mức độ hài lòng của người lao động. Chính sách đãi ngộ lao động luôn được liên tục hoàn thiện với mục tiêu tạo mọi điều kiện cho người lao động an tâm, gắn bó dài lâu, duy trì văn hóa doanh nghiệp của Công ty. Cụ thể, các chế độ bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn cho người lao động đều được thực hiện một cách đầy đủ, tạo điều kiện cho người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo quy định của Pháp luật nhằm tạo môi trường làm việc năng động và đảm bảo an toàn cho nhân viên của mình.

- Ngoài ra, Công ty còn tổ chức các hoạt động nâng cao đời sống tinh thần cho người lao động. Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao thường xuyên được tổ chức không chỉ nâng cao kiến thức về văn hóa, kinh tế, chính trị - xã hội mà còn hướng đến xây dựng một tập thể lao động đoàn kết, gắn bó với nhau, góp phần tạo nên bản sắc của NETCO.

Chính sách tuyển dụng

- Các nhân tố về thu hút người tài giỏi có năng lực, tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, nhiệt tình, siêng năng, sẵn sàng lắng nghe và sẵn sàng hợp tác được Công ty đặc biệt coi trọng. Nhân sự được tuyển dụng dựa trên hình thức đánh giá năng lực, kinh nghiệm và kỹ năng phù hợp cho từng vị trí. Mỗi vị trí, chức danh công việc đều có tiêu chí, tiêu chuẩn tuyển dụng riêng, có mô tả công việc cụ thể và được thực hiện theo đúng quy trình tuyển dụng của công ty. Trong các năm trở lại đây, Công ty có chính sách tuyển dụng các kỹ sư trẻ nhằm đào tạo đội ngũ nhân lực giỏi kế thừa.
- Bên cạnh đó, NETCO cũng đề cao và trân trọng sự đa dạng, luôn tạo môi trường công bằng, không phân biệt giới tính, tôn giáo hay quốc tịch,... Các cơ hội thăng tiến nghề nghiệp luôn công bằng cho mọi đối tượng dựa trên lộ trình nghề nghiệp cụ thể với các tiêu chuẩn rõ ràng.

Chính sách đào tạo

- Chính sách và hoạt động đào tạo theo mục tiêu lấy người học làm trọng tâm, nỗ lực thúc đẩy tinh thần học tập chủ động, lâu dài và lan tỏa sự tiến bộ trong tổ chức, đến cộng đồng và khách hàng của NETCO. Chương trình và hoạt động đào tạo được triển khai không chỉ nhằm mục đích giúp nhân viên bổ sung năng lực cho công việc hiện tại mà còn mang đến hành trang cho lộ trình phát triển nghề nghiệp cá nhân trong tương lai.
- Hàng năm Công ty tạo điều kiện cho CB-CNV có cơ hội nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, kỹ năng mềm và hiệu quả thực hiện công việc, góp phần tăng hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực của công ty. Các buổi đào tạo này ngoài mục đích chia sẻ kiến thức, kỹ năng còn giúp tạo sự gắn kết và chia sẻ giữa các CB-CNV Công ty.

Về an toàn lao động:

- Khi làm việc tại Công ty, người lao động được cung cấp đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động, các biện pháp giữ an toàn và vệ sinh nơi làm việc, môi trường tốt để làm việc. Công ty thường xuyên thực hiện huấn luyện đội ngũ người lao động về hành vi an toàn lao động khi mới chính thức gia nhập Công ty và trong suốt quá trình làm việc.
- Trong năm 2024, bộ phận An Toàn- sức khỏe- môi trường của Công ty ("bộ phận SHE") đã tổ chức huấn luyện các lớp về an toàn lao động cho tất cả CBCNV làm việc tại Công ty, cụ thể: huấn luyện về luyện an toàn sử dụng thiết bị áp lực, nồi hơi; an toàn sử dụng thiết bị nâng; an toàn điện; an toàn vệ sinh lao động; an toàn sử dụng hóa chất,...

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Năm 2024 không phát sinh các dự án đầu tư trọng yếu.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024 (triệu VNĐ)	Năm 2023 (triệu VNĐ)	% tăng/ giảm
1	Tổng giá trị tài sản	986.305	893.814	10%
2	Doanh thu thuần	1.652.662	1.809.653	-9%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	257.907	203.090	27%
4	Kết quả hoạt động khác	399	1.831	-78%
5	Lợi nhuận trước thuế	258.306	204.921	26%
6	Lợi nhuận sau thuế	206.624	178.435	16%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2023	% tăng/ giảm
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,57	1,36	15%
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,07	0,98	9%
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	46%	51%	-10%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	86%	106%	-18%
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,08	7,01	-13%
Doanh thu thuần/ tổng tài sản	Lần	1,76	2,19	-20%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	13%	10%	27%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	43%	46%	-8%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	22%	22%	0%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	16%	11%	39%

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG:

Tổng số cổ phiếu đã phát hành:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 22.398.374 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông:

STT	Thành phần cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu (*)	Tỉ lệ
1	Cổ đông trong nước	558	22.217.810	99,19%
	<i>Cổ đông lớn: Công ty TNHH Masan HPC</i>		11.703.630	52,25%
	<i>Cổ đông lớn: Tập đoàn Hóa chất Việt Nam</i>		8.064.498	36%
2	Cổ đông nước ngoài	35	180.564	0,81%
	<i>Cổ đông lớn: không có</i>			
Tổng cộng		593	22.398.374	

(*) theo danh sách cổ đông chốt ngày **16/9/2024**.

6. TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Năm 2024 không phát sinh thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

7. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Sản xuất và kinh doanh các chất tẩy rửa là một lĩnh vực hoạt động cần sự vận hành của nhiều dây chuyền sản xuất với nhu cầu lớn về tiêu thụ năng lượng đòi hỏi sự tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn về xả khí thải, nước thải, chất thải ra môi trường. Ý thức được điều đó, NETCO luôn cam kết tuân thủ đúng và đầy đủ tất cả các khía cạnh trọng yếu của các quy định về môi trường tại Việt Nam, không ngừng cải thiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, hạn chế mức tối đa những tác động đến môi trường trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm, hiệu quả. Việc sử dụng năng lượng một cách tiết kiệm luôn được Công ty chú trọng, đảm bảo nằm trong định mức mà Tổng Giám đốc đã đề ra. Mỗi dây chuyền sản xuất được thường xuyên theo dõi, thống kê tình hình sử dụng năng lượng nhằm phát hiện và điều chỉnh kịp thời tình hình sử dụng không hợp lý.
- Duy trì mật độ diện tích cây xanh bao phủ các nhà máy của Công ty theo quy định. Thường xuyên chăm sóc và tái tạo trồng cây xanh nhằm tạo sự thoáng mát trong khuôn viên Nhà máy cũng như ngăn bụi phát tán ra môi trường xung quanh.
- Kiểm soát nghiêm ngặt và thực hiện quan trắc nguồn khí thải phát ra từ hoạt động sản xuất của Công ty đạt tiêu chuẩn của QCVN 19:2009/BTNMT cột B.

- Sử dụng các máy móc, thiết bị với công nghệ hiện đại nhằm giảm thiểu tối đa các nguồn phát thải trong quá trình sản xuất.
- Bố trí máy móc, thiết bị hợp lý và thường xuyên bảo trì thiết bị, tránh tình trạng hoạt động quá tải của thiết bị gây ảnh hưởng đến môi trường
- Nhà xưởng, các khu vực sản xuất, sân đường nội bộ luôn được vệ sinh quét dọn thường xuyên.
- Lắp đặt các quạt công nghiệp, quạt thông gió tại khu vực sản xuất, tạo sự thông thoáng trong nhà xưởng
- Các phương tiện giao thông ra vào Công ty phải giảm tốc độ và đậu đúng vị trí quy định. Khi bốc dỡ hàng hóa, yêu cầu lái xe phải tắt máy xe, sau khi bốc dỡ các loại vật liệu xong mới được nổ máy ra khỏi khu vực.

b) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng chi phí mua nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm năm 2024 là 1.148 tỷ đồng.
- Nguyên liệu sử dụng cho sản xuất được đáp ứng theo tiêu chuẩn của Công ty. Các nguyên liệu trước khi đưa vào sản xuất đều được Phòng Quản lý chất lượng của Công ty kiểm tra chất lượng. Trong quá trình sản xuất, nguyên vật liệu được kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các bộ phận sản xuất, cung ứng thông qua các báo cáo hàng ngày, hàng tuần như báo cáo nhập xuất tồn nguyên liệu, tiêu hao so với định mức, cân đối nguyên liệu sản xuất – thành phẩm nhằm đảm bảo sử dụng tiết kiệm, không thất thoát.

c) Tiêu thụ năng lượng điện, nước

- Tổng lượng điện sử dụng trong năm 2024: 1.774.037 Kwh, nguồn cung cấp: Công ty CP đầu tư và phát triển VRG Long Thành.
- Tổng lượng nước sử dụng trong năm 2024: 61.725 m³, nguồn cung cấp: Công ty CP đầu tư và phát triển V.R.G Long Thành.
- Công ty luôn đề cao và yêu cầu toàn bộ cán bộ công nhân viên trong Công ty thực hiện chính sách tiết kiệm điện và nước trong sinh hoạt và sản xuất. Phần lớn nước sử dụng trong sản xuất nhóm sản phẩm chất tẩy rửa dạng lỏng (nước rửa chén, nước lau sàn, nước xả vải) đều được giữ lại tái tuần hoàn trở thành một trong những nguyên liệu của sản phẩm giúp Công ty tăng tỷ lệ thu hồi nước tại các khu vực, tiết kiệm chi phí mua nước cấp đầu vào và giảm chi phí xử lý nước thải.

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Ngoài công tác nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường để hướng tới doanh nghiệp sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường. Theo đó Công ty có bộ phận chuyên trách về môi trường có trình độ chuyên môn cao. Tất cả người lao động đều được phổ biến, hướng dẫn cách phân loại rác tại nguồn trong sản xuất và hoạt động văn phòng cũng như các quy định về vệ sinh môi trường.
- Công ty thực hiện đầy đủ đánh giá tác động môi trường. Trong suốt quá trình hoạt động nhà máy đều thực hiện quan trắc nước thải, khí thải,... theo đúng quy định và tất cả các chỉ tiêu về nước thải, khí thải đều đạt quy định.

- Nước thải luôn được xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Lộc An – Bình Sơn.
- Khí thải được xử lý đạt tiêu chuẩn của cột B QCVN 19:2009/BTNMT trước khi thải ra môi trường.
- Chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, phế liệu,... phát sinh trong Công ty được phân loại, thu gom và chuyển giao xử lý theo đúng quy định của pháp luật.
- Để đảm bảo môi trường làm việc đạt tiêu chuẩn nhằm bảo vệ sức khỏe người lao động, Công ty tăng cường áp dụng các biện pháp kỹ thuật để thông thoáng nhà xưởng, Trang bị CB chống giật chủ động, Cải thiện layout lối đi bộ an toàn cho người lao động, lắp khung móc đai an toàn khi làm việc trên cao. Đồng thời thực hiện đo đạc các thông số về môi trường làm việc định kỳ theo yêu cầu của pháp luật.
- Năm 2024, kết quả quan trắc môi trường về nước thải, khí thải,... đều đạt trong giới hạn cho phép.

e) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Góp phần tạo công ăn việc làm cho nguồn lao động địa phương.
- Công ty hoạt động tốt, nộp ngân sách nhà nước đầy đủ.
- Công ty không gây ảnh hưởng đến cộng đồng xung quanh bởi việc hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Không có bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện của người dân xung quanh về độ ồn, mùi, nước thải,... ảnh hưởng môi trường dân cư.
- Nhà máy của chúng tôi đều thực hiện đánh giá tác động môi trường, Cam kết bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động. Trong suốt quá trình hoạt động các nhà máy đều thực hiện quan trắc nước thải, khí thải,... theo đúng quy định và tất cả các chỉ tiêu về nước thải, khí thải đều đạt quy định.
- Tích cực tham gia cùng chính quyền địa phương tại các xã Lộc An, xã Bình Sơn, xã Long An và Mặt trận tổ quốc huyện Long Thành chăm lo đời sống và tặng quà cho các hộ nghèo có hoàn cảnh khó khăn tại địa phương dịp Tết nguyên đán hoặc các đợt gây quỹ ủng hộ của chính quyền xã.
- Ban lãnh đạo cùng toàn thể nhân viên luôn tích cực tham gia các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng địa phương phát triển.

PHẦN 3: BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

1. TỔNG KẾT TÌNH HÌNH SẢN XUẤT, KINH DOANH NĂM 2024:

- Như đã dự báo từ các năm trước, ngành hàng chăm sóc cá nhân và gia đình (Home & Personal Care – HPC) là một trong những lĩnh vực kinh doanh hấp dẫn tại Việt Nam và dự báo sẽ liên tục tăng trưởng trong các năm tới, trở thành một sân chơi cạnh tranh khốc liệt của các doanh nghiệp trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính và vị thế thị trường mạnh. Năm 2024 đã thấy rất rõ điều đó. Công ty Cổ phần Bột Giặt NET luôn đứng trước sức ép cạnh tranh của các đối thủ, không chỉ với thị trường nội địa mà cả thị trường xuất khẩu. Điều này góp phần làm giảm doanh thu của Công ty, đặc biệt doanh thu xuất khẩu.
- Bên cạnh đó, nền kinh tế Việt Nam đang từng bước hồi phục nhưng chưa đủ mạnh mẽ, kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn khiến giá các nguyên liệu sản xuất (nguyên vật liệu chính, bao bì) tăng bất thường đã góp phần gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm qua.
- Kết thúc năm 2024, Công ty Cổ phần Bột Giặt NET đạt doanh thu thuần 1.653 tỷ đồng tương đương 87% so với kế hoạch (mức thấp) năm 2024 và giảm 9% so với năm 2023. Tuy vậy, với rất nhiều nỗ lực từ đội ngũ bán hàng ở tuyến đầu, các chương trình tung sản phẩm mới của marketing và nỗ lực tối ưu hóa, tiết giảm chi phí của khối cung ứng, Công ty đã hoàn thành chỉ tiêu quan trọng trong kinh doanh, đó là lợi nhuận. Cụ thể, lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty đạt 207 tỷ đồng tương đương 148% so với kế hoạch (mức thấp) năm 2024 và cao hơn 16% so với kết quả kinh doanh năm 2023.

	Đvt	Thực hiện 2024	Thực hiện 2023	Biến động	
				Giá trị	%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.653	1.810	-157	-9%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	207	178	28	16%

	Đvt	Kế hoạch 2024 (*)	Thực hiện 2024	Thực hiện so với kế hoạch	
				Giá trị	%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.900	1.653	-247	87%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	140	207	67	148%

(*) kế hoạch kinh doanh 2024 mức thấp

Một số điểm nổi bật trong hoạt động kinh doanh năm 2024:

- Đạt Chứng nhận BRC - Tiêu chuẩn toàn cầu cho sản phẩm tiêu dùng: Chăm sóc cá nhân và gia dụng và chứng nhận Hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001:2018.
- Thực hiện các dự án:
 - + Làm sạch mái khu vực tháp bột giặt bằng việc cải thiện tính hiệu quả của Cyclone 6&8 để giúp loại bỏ và ngăn chặn bụi từ tháp bột giặt, tuân thủ quy định về pháp luật bảo vệ môi trường đồng thời tiết giảm được hơn 28 triệu đồng/năm chi phí nhân công vệ sinh mái tháp và góp phần quan trọng vào dự án hấp thụ, giảm phát thải CO2 trong sản xuất.

- + Dự án loại bỏ 70% màng PE trong sản xuất đã giúp giảm rác thải nhựa khoảng 21.853 kg/năm và tiềm năng giảm 129,15 tấn CO2 tương đương nhờ tái chế nhựa.
- + Chuyển đổi 100% xe nâng sang chạy điện.
- + Giảm 50% CO2 từ việc xả thải khí CNG, giúp giảm 42% CO2 so với quy trình hiện tại và là tiền đề để thực hiện xin cấp chứng nhận ISO 14064-1 (quản lý khí nhà kính) vào năm 2025.

2. MỤC TIÊU KINH DOANH NĂM 2025

- Năm 2025 được đánh giá sẽ còn khó khăn rất nhiều, do vậy Ban điều hành cần thận trọng cân nhắc và sẽ đề xuất mục tiêu năm 2025 tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 sắp tới.

3. CHIẾN LƯỢC VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025:

- Tiếp tục định hướng trở thành nhà sản xuất lớn trong khu vực, tham gia chuỗi cung ứng ngành hàng chăm sóc gia đình Homecare trên toàn cầu.
- Tiếp tục nỗ lực áp dụng các giải pháp sản xuất xanh trong toàn hệ thống sản xuất để phát triển bền vững, sản xuất kinh doanh gắn liền với bảo vệ môi trường và an toàn cho cộng đồng xã hội.
- Kết hợp tối đa sức mạnh kênh phân phối từ MASAN và NETCO nhằm đưa sản phẩm mang thương hiệu của NET, các thương hiệu gia công HOMEY, CHANTE, SOPA thâm nhập thị trường hóa mỹ phẩm đến tay người tiêu dùng một cách sâu rộng và hiệu quả.
- Tiếp tục xây dựng thương hiệu NET, đặt trọng tâm trong việc sáng tạo phát triển sản phẩm mới, ứng dụng kỹ thuật và công nghệ tiên tiến nâng tầm chất lượng sản phẩm, mở rộng ngành hàng để *“hàng ngày, chúng ta chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người Việt Nam”*.

PHẦN 4: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024:

- Năm 2024, Hội đồng Quản trị Công ty đã từng bước chỉ đạo, triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tập trung giải quyết các vấn đề trọng tâm giúp Ban điều hành tổ chức hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- Các chỉ tiêu chính đã đạt được:
 - ✚ Về doanh thu thuần: đạt 1.653 tỷ đồng, tương đương 87% so với kế hoạch năm 2024 (mức thấp) được phê duyệt và giảm 9% so với thực hiện năm 2023.
 - ✚ Về lợi nhuận sau thuế: đạt 207 tỷ đồng, đạt 148% so với kế hoạch (mức thấp) năm 2024 được phê duyệt và tăng 16% so với thực hiện năm 2023.

	Đvt	Năm 2024	Năm 2023	So sánh 2024/2023	
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	224	224	-	0%
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	529	434	95	22%
Tổng giá trị tài sản	Tỷ đồng	986	894	92	10%
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	1.653	1.810	-157	-9%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	258	203	55	27%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	258	205	53	26%
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	207	178	28	16%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng/cổ phiếu	9.225	7.966	1.259	16%

- Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, việc làm của người lao động được đảm bảo.
- Trong năm qua, Công ty luôn tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, sử dụng hóa chất, phòng cháy chữa cháy, môi trường,... không xảy ra sự cố vi phạm trọng yếu nào.

2. BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

- Trên cơ sở các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 phê duyệt và căn cứ Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị, Hội đồng Quản trị đã thực hiện công tác giám sát Ban điều hành; công tác quản trị doanh nghiệp, chiến lược sản xuất, kinh doanh, đầu tư,... một cách cẩn trọng, nghiêm túc và quyết liệt, tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ của Công ty. Các thành viên đều có tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm của mình để giúp Hội đồng Quản trị thực hiện tốt vai trò định hướng phát triển Công ty.

- Hội đồng Quản trị cũng đã hoạch định chủ trương và chiến lược kinh doanh sát với biến động của thị trường, có phản ứng điều chỉnh nhanh nhạy, kịp thời giúp giải quyết một cách hiệu quả các vấn đề, mang lại hiệu quả hoạt động chung của Công ty và tăng vị thế của Công ty Cổ phần Bột Giặt NET trong ngành.

3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY:

- Năm 2024 là một năm sản xuất, kinh doanh khó khăn, Tổng Giám đốc và Ban điều hành luôn kịp thời cập nhật, dự báo những khó khăn, vướng mắc kiến nghị và xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng Quản trị; tập trung chủ động nghiên cứu các giải pháp cải tiến kỹ thuật, sắp xếp lại dây chuyền sản xuất, bố trí nguồn nhân lực phù hợp, tiết kiệm nguyên nhiên liệu đầu vào cho sản xuất, cải tiến bao bì sản xuất; chủ động sản xuất hàng hóa đảm bảo ổn định nguồn cung ra thị trường ngay cả thời điểm cao điểm nhất.
- Trong quá trình quản lý điều hành sản xuất, kinh doanh, Ban điều hành luôn thận trọng và tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp các chính sách chung của Tập đoàn.
- Hội đồng Quản trị đánh giá Ban điều hành đã hoàn thành tốt chức trách nhiệm vụ, vai trò qua các giải pháp điều hành sản xuất kinh doanh kịp thời, linh hoạt, phù hợp với chủ trương, định hướng của Hội đồng Quản trị. Các chỉ đạo mà Hội đồng Quản trị đưa ra đều được Ban điều hành triển khai đầy đủ, nhanh chóng, hiệu quả và báo cáo chi tiết kết quả tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị định kỳ với tinh thần trách nhiệm cao.
- Trong năm, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Bột Giặt NET đã tiến hành họp thường kỳ mỗi quý và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản. 100% cuộc họp đều được thực hiện theo đúng quy trình thủ tục với sự tham gia đầy đủ, tích cực, đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua của toàn bộ các thành viên Hội đồng Quản trị.
- Hội đồng Quản trị ban hành tổng cộng 09 Nghị quyết, Quyết định đề thông qua các nội dung sau:
 - Phê duyệt việc chốt danh sách cổ đông (ngày đăng ký cuối cùng) tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
 - Phê duyệt thay đổi Tổng Giám đốc và Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - Bỏ nhiệm Tổng Giám đốc.
 - Phê duyệt các vấn đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua.
 - Phê duyệt kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024
 - Phê duyệt giao dịch liên quan
 - Phê duyệt tăng hạn mức vay vốn Vietcombank.
 - Bỏ nhiệm Thành viên Ủy ban kiểm toán thay cho Bà Nguyễn Thị Phương Thùy do không còn là thành viên Hội đồng Quản trị Công ty.
 - Phê duyệt chi trả cổ tức năm 2023 bằng tiền.

4. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

- **Đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản phẩm mới đẩy mạnh ngành hàng chăm sóc cá nhân - gia đình.**
- Tiếp tục công tác định vị thương hiệu NET, từng bước thay đổi diện mạo, nâng cao giá trị hình ảnh thương hiệu nhằm phục vụ và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng Việt.
- Đẩy mạnh công tác nghiên cứu sản phẩm mới đẩy mạnh ngành hàng chăm sóc cá nhân - gia đình.
- Các sản phẩm hóa mỹ phẩm mới khác sẽ là những đột phá trong việc tạo ra các nhu cầu mới và sở hữu những thành quả từ việc xây dựng thương hiệu và đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.
- Chú trọng vào công nghệ sản xuất, cải tiến hệ thống sản xuất theo hướng tự động hóa, giảm sức người, tăng hiệu suất lao động.
- Phát triển quản trị nguồn nhân lực, trở thành một doanh nghiệp có môi trường làm việc mà tại đó nhân viên có thể phát huy tốt nhất khả năng, đóng góp vào thành tựu chung của Công ty.

PHẦN 5: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

a) Thành viên và cơ cấu thành phần Hội đồng Quản trị:

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện vốn	
			% vốn điều lệ	Số cổ phần tương đương
1.	Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch HĐQT	0%	-
2.	Bà Nguyễn Hoàng Yên	Thành viên	0%	-
3.	Ông Huỳnh Việt Thắng	Thành viên	0%	-
4.	Ông Vũ Quốc Tuấn	Thành viên	0%	-
5.	Ông Trần Quốc Cường	Thành viên	16%	3.584.216 (*)
6.	Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên	10%	2.240.141 (*)
7.	Ông Nguyễn Hồng Hải (được bổ nhiệm kể từ ngày 17/4/2024 thay thế cho Bà Nguyễn Thị Phương Thùy có đơn từ nhiệm)	Thành viên	10%	2.240.141 (*)

Ghi chú:

(*) Ông Trần Quốc Cường, Ông Nguyễn Hồng Hải và Bà Lưu Thanh Hồng đại diện phần vốn góp của cổ đông Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

b) Chức danh mà các thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ tại các công ty khác:

1. Ông Trương Công Thắng

- ◆ Ngày sinh: 06/3/1973.
- ◆ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Đại học Kinh tế Quốc dân.
- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Bột Giặt NET: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - 🚩 Chủ tịch Hội đồng thành viên và Giám đốc - Công ty TNHH Masan Brewery;
 - 🚩 Thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - 🚩 Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Mobicast;
 - 🚩 Giám đốc - Masan Consumer (Thailand) Limited;
 - 🚩 Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Phát Triển Thương Mại Và Dịch Vụ VCM;
 - 🚩 Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần The CrownX;
 - 🚩 Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage;
 - 🚩 Tổ chức mà Ông Trương Công Thắng sở hữu cổ phần chi phối - Công ty Cổ phần Địa ốc Vườn Xanh;

- ✚ Tổ chức mà Ông Trương Công Thắng sở hữu phần vốn góp chi phối - Công ty TNHH VN Nam Đàn Vạn An;
- ✚ Tổ chức mà Ông Trương Công Thắng sở hữu cổ phần chi phối - Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Công Nghệ Vì Cuộc Sống.

2. Bà Nguyễn Hoàng Yên

- ◆ Ngày sinh: 30/7/1963.
- ◆ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Nga Văn.
- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - ✚ Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Masan;
 - ✚ Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan;
 - ✚ Thành viên Hội đồng Quản trị và Phó Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - ✚ Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Vinacafé Biên Hòa;
 - ✚ Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Masan PQ;
 - ✚ Chủ tịch Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Cát Trắng;
 - ✚ Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH Một thành viên Nam Ngư Phú Quốc;
 - ✚ Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH Masan Long An.

3. Ông Huỳnh Việt Thăng

- ◆ Ngày sinh: 14/08/1973.
- ◆ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế.
- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị; Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác:
 - ✚ Giám đốc Tài chính - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan;
 - ✚ Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán – Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh;
 - ✚ Thành viên Hội đồng Quản trị - Công ty Cổ phần Masan MEATLife.

4. Ông Vũ Quốc Tuấn

- ◆ Ngày sinh: 05/01/1965
- ◆ Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị hệ thống công nghiệp.
- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Tổng Giám đốc - Công ty TNHH Một thành viên Công nghiệp Masan.

5. Ông Trần Quốc Cường

- ◆ Ngày sinh: 03/10/1983
- ◆ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế.

- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên HĐQT - Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam.

6. Bà Lưu Thanh Hồng

- ◆ Ngày sinh: 14/8/1989
- ◆ Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng
- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị; Thành viên Ủy ban kiểm toán.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

7. Ông Nguyễn Hồng Hải

- ◆ Ngày sinh: 23/9/1987
- ◆ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ QTKD, Kỹ sư Công nghệ Hóa
- ◆ Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị.
- ◆ Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có.

c) Hoạt động của các tiểu ban Hội đồng Quản trị: không có.

d) Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

- Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu để giám sát các hoạt động của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị họp thường xuyên để thảo luận các quyết định chiến lược được đề xuất bởi Tổng Giám đốc.
- Hội đồng Quản trị đã đưa ra những định hướng phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung – dài hạn phù hợp, triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024.
- Các cuộc họp Hội đồng Quản trị được tổ chức, thảo luận một cách công khai và dân chủ. Thành viên Hội đồng Quản trị luôn tham gia họp, biểu quyết đầy đủ với tinh thần trách nhiệm cao và kinh nghiệm quản lý của mình. Các vấn đề lấy ý kiến được Hội đồng Quản trị đánh giá thảo luận thấu đáo, chi tiết và cẩn trọng để đi đến quyết định thống nhất trước khi ra Nghị quyết, Quyết định và luôn đảm bảo tính kịp thời.
- Theo đó trong năm qua, Hội đồng Quản trị đã thực hiện hiệu quả công việc:
 - Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty.
 - Phối hợp chặt chẽ với Tổng Giám đốc để đưa ra các định hướng cũng như giải quyết kịp thời các yêu cầu kinh doanh của Công ty.
 - Tại các cuộc họp Hội đồng Quản trị soát xét tình hình thực hiện các nghị quyết, quyết định, tình hình sản xuất kinh doanh của quý và lũy kế, thảo luận thông qua các Nghị quyết để Tổng Giám đốc làm cơ sở triển khai thực hiện.
- Năm 2024, không phát sinh giao dịch liên quan giữa Công ty và thành viên Hội đồng Quản trị.

2. ỦY BAN KIỂM TOÁN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

a) Thành viên và cơ cấu thành phần Ủy ban kiểm toán:

- Ủy ban kiểm toán là cơ quan chuyên môn trực thuộc Hội đồng Quản trị và có từ 02 thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập; các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.
- Tại Công ty Cổ phần Bột giặt NET, Ủy ban kiểm toán bao gồm 02 thành viên và là thành viên Hội đồng Quản trị độc lập/ không điều hành. Hội đồng Quản trị xác định năng lực của các thành viên, năng lực, thẩm quyền và trách nhiệm của Ủy ban kiểm toán thông qua Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện vốn (đối với người đại diện)	
			% vốn điều lệ	Số cổ phần tương đương
1.	Ông Huỳnh Việt Thăng	Chủ tịch UBKT	0%	-
2.	Bà Lưu Thanh Hồng (*)	Thành viên UBKT	10%	2.240.141

Ghi chú:

- **(*) Bà Lưu Thanh Hồng** được bổ nhiệm là thành viên UBKT kể từ ngày 17/4/2024 thay thế cho bà Nguyễn Thị Phương Thủy từ nhiệm.

b) Thông tin lý lịch của Ủy ban kiểm toán:

- Ông Huỳnh Việt Thăng:** vui lòng xem thông tin đã trình bày tại điểm 3 mục 1.2 Thông tin lý lịch của Hội đồng Quản trị.
- Bà Lưu Thanh Hồng:** vui lòng xem thông tin đã trình bày tại điểm 6 mục 1.2 Thông tin lý lịch của Hội đồng Quản trị.

c) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm qua:

- Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản theo Điều lệ Công ty và quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết.
- Trong năm 2024, Ủy ban kiểm toán chịu trách nhiệm chính trong việc rà soát các vấn đề và các xét đoán trọng yếu của báo cáo tài chính quý, bán niên và năm của Công ty để đảm bảo tính trung thực của Báo cáo tài chính, hệ thống kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ, tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty, rà soát các giao dịch của bên có quyền lợi liên quan thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông hoặc giao dịch của người có thể gây xung đột lợi ích.

- Bên cạnh đó, Ủy ban kiểm toán theo dõi và đánh giá sự độc lập, khách quan của Công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán. Xem xét báo cáo của kiểm toán viên độc lập và các báo cáo về các hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty trước khi trình Hội đồng Quản trị chấp thuận. Tham khảo ý kiến về việc chỉ định công ty kiểm toán độc lập.
- Thông qua 02 cuộc họp định kỳ trong năm, Ủy ban kiểm toán đã thống nhất và phê duyệt các nội dung sau:
 - Hợp thảo luận và thống nhất về mục tiêu và các kế hoạch hoạt động của Ủy ban kiểm toán trong năm 2024; thống nhất nội dung dự thảo Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2024 của Bộ phận kiểm toán nội bộ trình Hội đồng Quản trị.
 - Thống nhất Báo cáo kết quả đánh giá kiểm toán nội bộ năm 2024 của Bộ phận kiểm toán nội bộ trình Hội đồng Quản trị; đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Hội đồng Quản trị; đánh giá các giao dịch liên quan mà Công ty đã thực hiện trong năm 2024.

3. LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC PHÁT SINH TRONG NĂM 2024:

STT	Thành viên	Chức danh	Thù lao (đồng)
I. Thành viên Hội đồng Quản trị:			
1.	Trương Công Thắng	Chủ tịch HĐQT	0
2.	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên HĐQT	0
3.	Huỳnh Việt Thắng	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	0
4.	Vũ Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT	0
5.	Trần Quốc Cường	Thành viên HĐQT	48.000.000
6.	Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 17/4/2024)	34.000.000
7.	Nguyễn Hồng Hải	Thành viên HĐQT (được bổ nhiệm từ ngày 17/4/2024)	14.000.000
8.	Lưu Thanh Hồng	Thành viên HĐQT	48.000.000
Tổng cộng			144.000.000
II. Thành viên Ủy ban kiểm toán:			
1.	Huỳnh Việt Thắng	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	0
2.	Lưu Thanh Hồng (được bổ nhiệm từ ngày 17/4/2024)	Thành viên Ủy ban kiểm toán	0
III. Tổng Giám đốc:			
1.	Phan Trọng Chinh	Tổng Giám đốc (đến 29/02/2024)	733.537.342
2.	Mai Đức Lâm	Tổng Giám đốc (từ 01/3/2024)	2.260.791.910

4. GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ HOẶC NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ TRONG NĂM 2024

- a) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan của người nội bộ trong năm 2024: không có.
- b) Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty; hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ trong năm 2024:

STT	Tên Công ty	Mối quan hệ liên quan với công ty	Địa chỉ	Nội dung, giá trị giao dịch (VNĐ)
1	Công ty Cổ phần Hàng Tiêu Dùng Masan	Tổ chức liên quan của người nội bộ	Số 23 Lê Duẩn, P. Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM	Bán hàng hóa và dịch vụ: 359.969.302.879 Mua hàng hóa: 8.225.885.067
2	Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan	Tổ chức liên quan của người nội bộ	Lô 06, KCN Tân Đông Hiệp A, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương	Mua hàng hóa: 14.400.000 Bán tài sản cố định: 277.919.307
3	Công ty Cổ phần Mobicast	Tổ chức liên quan của người nội bộ	Tầng 4, V1 Home City, 177 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội	Mua dịch vụ: 119.247.475
4	Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Công ty CP Hóa chất Cơ bản Miền Nam	Tổ chức liên quan của người nội bộ	Đường Số 5, An Bình, Thành phố Biên Hòa, Đồng Nai	Mua hàng hóa: 23.685.695.000
5	Công ty CP XNK Hóa chất Miền Nam	Tổ chức liên quan của người nội bộ	130 Đ. Trần Hưng Đạo, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, HCM	Mua hàng hóa: 13.045.540.000
6	Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution	Tổ chức liên quan của người nội bộ	Tầng 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Quận 1, TP.HCM	Mua hàng hóa: 46.080.000

5. VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử

dụng các nguồn lực một cách tốt nhất, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.

PHẦN 6: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2024 KIỂM TOÁN



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 3600642822 ngày 1 tháng 7 năm 2003

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 5 tháng 3 năm 2024. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Huỳnh Việt Thắng	Thành viên
Ông Trần Quốc Cường	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên
	(từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên
	(đến ngày 16 tháng 4 năm 2024)
Ông Vũ Quốc Tuấn	Thành viên
Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên

Ủy ban Kiểm toán

Ông Huỳnh Việt Thắng	Chủ tịch
Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên
	(từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên
	(đến ngày 16 tháng 4 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Mai Đức Lâm	Tổng Giám đốc
	(từ ngày 1 tháng 3 năm 2024)
Ông Phan Trọng Chinh	Tổng Giám đốc
	(đến ngày 29 tháng 2 năm 2024)
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Công nghệ và Sản xuất
Ông Cao Trần Đăng Khoa	Giám đốc Chất lượng

Trụ sở đăng ký

Đường D4, Khu Công nghiệp Lộc An - Bình Sơn
Xã Bình Sơn, Huyện Long Thành
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo của Ban Giám đốc

BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Mai Đức Lâm
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 24 tháng 2 năm 2025

04
NI
G1
KP
PH



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 24 tháng 2 năm 2025, được trình bày từ trang 5 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

101-L
NH
TNH
IG
CHI



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bột giặt NET tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 24-01-01290-25-1



Hương Vinh Phúc

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 1901-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 2 năm 2025



Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		714.889.274.816	625.160.914.563
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	346.842.018.387	263.529.637.698
Tiền	111		25.942.018.387	19.029.637.698
Các khoản tương đương tiền	112		320.900.000.000	244.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		85.100.000.000	119.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	85.100.000.000	119.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		53.404.766.484	66.690.256.372
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	47.836.026.902	62.611.417.844
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.171.323.622	1.601.744.485
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	1.397.415.960	2.477.094.043
Hàng tồn kho	140	9	227.903.963.244	175.459.650.739
Hàng tồn kho	141		228.438.527.915	196.572.990.214
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(534.564.671)	(21.113.339.475)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.638.526.701	481.369.754
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.170.501.575	479.295.288
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.853.083	2.074.466
Thuế phải thu Nhà nước	153		465.172.043	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		271.416.043.825	268.653.284.857
Tài sản cố định	220		203.515.065.821	209.729.591.479
Tài sản cố định hữu hình	221	10	199.779.295.274	209.439.049.788
Nguyên giá	222		407.750.841.108	400.512.388.310
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(207.971.545.834)	(191.073.338.522)
Tài sản cố định vô hình	227	11	3.735.770.547	290.541.691
Nguyên giá	228		4.531.881.407	549.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(796.110.860)	(258.458.309)
Bất động sản đầu tư	230	12	4.165.584.044	5.749.808.985
Nguyên giá	231		34.505.676.919	34.505.676.919
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(30.340.092.875)	(28.755.867.934)
Tài sản dở dang dài hạn	240		11.869.496.889	8.008.841.929
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	11.869.496.889	8.008.841.929
Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		716.390.400	716.390.400
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(716.390.400)	(716.390.400)
Tài sản dài hạn khác	260		51.865.897.071	45.165.042.464
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	42.521.282.196	43.273.076.919
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	9.344.614.875	1.891.965.545
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		986.305.318.641	893.814.199.420

042
NH
3 T
PI
HỒ T

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		457.378.341.545	459.519.739.914
Nợ ngắn hạn	310		456.281.761.682	459.341.029.914
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	208.854.987.326	157.056.143.754
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		7.875.918.376	7.812.041.961
Thuế phải nộp Nhà nước	313	17	26.727.970.671	12.320.435.052
Phải trả người lao động	314		76.639.214	46.273.051
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	56.833.777.959	62.120.556.294
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	5.560.457.121	645.022.789
Vay ngắn hạn	320	20	144.378.922.202	213.367.468.200
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	21	5.973.088.813	5.973.088.813
Nợ dài hạn	330		1.096.579.863	178.710.000
Phải trả dài hạn khác	337		100.000.000	178.710.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		996.579.863	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		528.926.977.096	434.294.459.506
Vốn chủ sở hữu	410	22	528.926.977.096	434.294.459.506
Vốn cổ phần	411	23	223.983.740.000	223.983.740.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	28.929.813.094	28.929.813.094
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		276.013.424.002	181.380.906.412
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		69.389.036.412	2.946.148.174
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay/năm trước	421b		206.624.387.590	178.434.758.238
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		986.305.318.641	893.814.199.420

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Thúy Diệu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thành Luân
Kế toán trưởng


MAI ĐỨC LÂM
Tổng Giám đốc

31-01-2025
NH
TNH
G
CH
V

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	1.703.790.590.058	1.831.351.012.651
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	51.128.680.961	21.698.164.891
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	27	1.652.661.909.097	1.809.652.847.760
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	1.225.768.389.569	1.332.850.151.835
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		426.893.519.528	476.802.695.925
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	18.042.023.716	23.346.620.048
Chi phí tài chính	22	30	11.864.312.078	14.722.491.653
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.220.016.003	9.258.002.806
Chi phí bán hàng	25	31	142.764.354.293	243.843.986.221
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	32.400.004.056	38.492.665.503
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		257.906.872.817	203.090.172.596
Thu nhập khác	31		404.297.641	2.200.067.371
Chi phí khác	32		5.575.192	369.017.385
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		398.722.449	1.831.049.986
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		258.305.595.266	204.921.222.582
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	59.133.857.006	28.378.429.889
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(7.452.649.330)	(1.891.965.545)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang trang sau)	60		206.624.387.590	178.434.758.238

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024**
(tiếp theo)**Mẫu B 02 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)	60		206.624.387.590	178.434.758.238
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	35	9.225	7.966

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Thị Thúy Diệu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Thành Luân
Kế toán trưởngMai Đức Lâm
Tổng Giám đốc*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	258.305.595.266	204.921.222.582
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	21.680.985.503	21.268.077.785
Các khoản dự phòng	03	978.918.637	25.315.546.124
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các			
khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	327.067.562	116.885.920
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(13.285.561.512)	(18.462.144.384)
Chi phí lãi vay	06	6.220.016.003	9.258.002.806
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước			
những thay đổi vốn lưu động	08	274.227.021.459	242.417.590.833
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	12.387.365.583	11.953.440.153
Biến động hàng tồn kho	10	(52.426.651.279)	3.787.157.461
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	49.878.825.635	(45.156.604.810)
Biến động chi phí trả trước	12	372.680.086	2.052.253.673
		284.439.241.484	215.053.837.310
Tiền lãi vay đã trả	14	(6.221.796.350)	(9.307.729.757)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(44.698.597.332)	(18.035.285.481)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động	20	233.518.847.802	187.710.822.072
kinh doanh			
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản			
dài hạn khác	21	(18.671.490.932)	(13.156.813.714)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	1.639.855.333	582.000.000
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23	(278.100.000.000)	(408.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24	312.000.000.000	295.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	13.939.200.153	16.293.889.895
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	30.807.564.554	(108.780.923.819)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2024 VND	2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	646.596.637.329	635.439.093.344
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(715.585.183.327)	(564.760.223.730)
Tiền chi trả cổ tức	36	(111.990.420.000)	(78.393.294.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(180.978.965.998)	(7.714.424.386)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	83.347.446.358	71.215.473.867
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	263.529.637.698	192.322.689.219
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(35.065.669)	(8.525.388)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	346.842.018.387	263.529.637.698

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:



Nguyễn Thị Thúy Diệu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Thành Luân
Kế toán trưởng



Mai Đức Lâm
Tổng Giám đốc

001-2
NH
NH
G
CHÍNH

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bột giặt NET
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bột giặt NET (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất bột giặt và chất tẩy rửa;
- bán buôn các loại bột giặt, chế phẩm vệ sinh và hóa chất tẩy rửa; và
- cho thuê kho và nhà xưởng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc của Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có trụ sở chính tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Hà Nội, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh và Chi nhánh Biên Hòa (1/1/2024: 3 chi nhánh hạch toán phụ thuộc).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 303 nhân viên (1/1/2024: 316 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.



(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

20

II N

IG

KF

HỒ

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(f) Tài sản cố định hữu hình****(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 15 năm

(g) Tài sản cố định vô hình***Phần mềm máy tính***

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 7 năm đến 10 năm.

(h) Bất động sản đầu tư cho thuê**(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm nhà cửa, cơ sở hạ tầng và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|-----------------|-------------|
| ▪ nhà cửa | 20 – 25 năm |
| ▪ cơ sở hạ tầng | 5 – 20 năm |

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho tài sản cố định hữu hình và vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Phí sử dụng hạ tầng

Phí sử dụng hạ tầng là chi phí trả trước phát sinh liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng hạ tầng khu công nghiệp. Phí sử dụng hạ tầng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng sử dụng cơ sở hạ tầng là 47 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ phải trả đó.



Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá của cổ phiếu được phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản theo các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê trong suốt thời hạn thuê.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(r) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh chính, đó là sản xuất và bán buôn bột giặt, chất tẩy rửa và sản phẩm chăm sóc gia đình. Do đó, báo cáo bộ phận chính yếu của Công ty được dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý.

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là bên liên quan.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

11-C
NH
INH
G
CHIV

4. Báo cáo bộ phận

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu của bộ phận được phân bổ theo vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam (“Trong nước”) hay ở các nước khác ngoài Việt Nam (“Nước ngoài”). Toàn bộ tài sản của bộ phận và chi tiêu vốn của bộ phận nằm ở Việt Nam. Các thông tin bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty như sau:

	Trong nước		Nước ngoài		Tổng	
	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND	2024 VND	2023 VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.429.472.362.066	1.576.107.623.939	223.189.547.031	233.545.223.821	1.652.661.909.097	1.809.652.847.760
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	1.074.460.739.463	1.173.337.681.488	151.307.650.106	159.512.470.347	1.225.768.389.569	1.332.850.151.835
Lợi nhuận gộp	355.011.622.603	402.769.942.451	71.881.896.925	74.032.753.474	426.893.519.528	476.802.695.925

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền mặt	96.608.111	96.608.111
Tiền gửi ngân hàng	25.845.410.276	18.933.029.587
Các khoản tương đương tiền	320.900.000.000	244.500.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	346.842.018.387	263.529.637.698

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	85.100.000.000	119.000.000.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Công ty mẹ của công ty mẹ</i>		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	18.114.013.543	50.191.064.962
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty TNHH MEATDeli HN	-	14.863.268
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02	-	12.344.070

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***8. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	1.240.387.260	2.263.019.315
Đặt cọc ngắn hạn	103.200.000	103.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	53.828.700	110.874.728
	<u>1.397.415.960</u>	<u>2.477.094.043</u>

9. Hàng tồn kho

	31/12/2024		1/1/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	2.985.519.371	-	2.855.317.174	-
Nguyên vật liệu	165.354.389.355	(259.703.247)	149.792.881.267	(21.113.339.475)
Công cụ và dụng cụ	1.579.739.031	-	560.226.854	-
Thành phẩm	55.640.537.216	(274.861.424)	43.178.000.326	-
Hàng hóa	83.629.293	-	186.564.593	-
Hàng gửi đi bán	2.794.713.649	-	-	-
	<u>228.438.527.915</u>	<u>(534.564.671)</u>	<u>196.572.990.214</u>	<u>(21.113.339.475)</u>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2024 VND	2023 VND
Số dư đầu năm	21.113.339.475	562.154.745
Trích lập dự phòng trong năm	4.408.440.581	25.315.546.124
Sử dụng dự phòng trong năm	(20.561.113.578)	(4.764.361.394)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.426.101.807)	-
Số dư cuối năm	<u>534.564.671</u>	<u>21.113.339.475</u>

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có 535 triệu VND (1/1/2024: 21.113 triệu VND) hàng tồn kho chậm luân chuyển.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	228.308.924.086	162.549.171.876	7.566.918.136	2.087.374.212	400.512.388.310
Tăng trong năm	-	168.750.000	229.000.000	-	397.750.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.589.601.903	9.182.863.513	-	-	10.772.465.416
Thanh lý	-	-	(3.931.762.618)	-	(3.931.762.618)
Số dư cuối năm	229.898.525.989	171.900.785.389	3.864.155.518	2.087.374.212	407.750.841.108
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	71.738.479.503	113.180.013.513	4.550.923.189	1.603.922.317	191.073.338.522
Khấu hao trong năm	10.666.523.344	8.208.750.923	520.062.338	163.771.406	19.559.108.011
Thanh lý	-	-	(2.660.900.699)	-	(2.660.900.699)
Số dư cuối năm	82.405.002.847	121.388.764.436	2.410.084.828	1.767.693.723	207.971.545.834
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	156.570.444.583	49.369.158.363	3.015.994.947	483.451.895	209.439.049.788
Số dư cuối năm	147.493.523.142	50.512.020.953	1.454.070.690	319.680.489	199.779.295.274

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 86.395 triệu VND (1/1/2024: 82.940 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***11. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	549.000.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.982.881.407
Số dư cuối năm	4.531.881.407
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	258.458.309
Khấu hao trong năm	537.652.551
Số dư cuối năm	796.110.860
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	290.541.691
Số dư cuối năm	3.735.770.547

12. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND	Cơ sở hạ tầng VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	31.727.073.211	2.778.603.708	34.505.676.919
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	26.338.976.919	2.416.891.015	28.755.867.934
Khấu hao trong năm	1.520.393.292	63.831.649	1.584.224.941
Số dư cuối năm	27.859.370.211	2.480.722.664	30.340.092.875
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	5.388.096.292	361.712.693	5.749.808.985
Số dư cuối năm	3.867.703.000	297.881.044	4.165.584.044

Trong bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 3.960 triệu VND (1/1/2024: 2.593 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư được nắm giữ để cho thuê không được xác định bởi vì Công ty chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	2024 VND
Số dư đầu năm	8.008.841.929
Tăng trong năm	18.928.093.433
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.772.465.416)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(3.982.881.407)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(312.091.650)
Số dư cuối năm	11.869.496.889

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Nhà cửa và vật kiến trúc	676.128.000	-
Máy móc và thiết bị	10.800.408.889	6.956.919.646
Các tài sản khác	392.960.000	1.051.922.283
	11.869.496.889	8.008.841.929

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Phí sử dụng hạ tầng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	40.993.076.274	2.280.000.645	43.273.076.919
Tăng trong năm	-	1.721.902.000	1.721.902.000
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	312.091.650	312.091.650
Phân bổ trong năm	(1.128.249.805)	(1.657.538.568)	(2.785.788.373)
Số dư cuối năm	39.864.826.469	2.656.455.727	42.521.282.196

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại****Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí khuyến mại, hỗ trợ bán hàng và chiết khấu thương mại phải trả	6.903.622.814	1.018.904.737
Chi phí phải trả khác	2.440.992.061	873.060.808
	9.344.614.875	1.891.965.545

16. Phải trả người bán ngắn hạn**Phải trả người bán là các bên liên quan**

	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	2.444.950.440	4.157.088.480
Công ty TNHH Masan Brewery MB	38.500.000	-
Công ty Cổ phần Mobicast	12.917.405	-

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 30 ngày kể từ ngày lập hóa đơn.

17. Thuế phải nộp Nhà Nước

	1/1/2024 VND	Phát sinh VND	Nộp/Cần trừ VND	Phân loại lại VND	31/12/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng	3.427.243.693	145.022.871.210	(145.007.300.755)	-	3.442.814.148
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	23.767.105.314	(23.767.105.314)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.842.366.453	59.133.857.006	(44.698.597.332)	-	23.277.626.127
Thuế nhập khẩu	-	751.843.222	(751.843.222)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	50.824.906	2.610.334.445	(3,118,800,998)	465.172.043	7.530.396
Các loại thuế khác	-	37.953.272	(37.953.272)	-	-
	12.320.435.052	231.323.964.469	(217.381.600.893)	465.172.043	26.727.970.671

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Chi phí khuyến mại, quảng cáo và hỗ trợ bán hàng	31.314.254.166	42.470.253.851
Chi phí thưởng và lương tháng 13	8.825.841.579	9.996.821.594
Chi phí kho vận	6.102.569.879	3.309.556.195
Chiết khấu thương mại	2.923.859.904	1.282.624.000
Chi phí trưng bày	280.000.000	252.404.000
Chi phí lãi vay	85.636.725	87.417.072
Chi phí ngắn hạn khác	7.301.615.706	4.721.479.582
	56.833.777.959	62.120.556.294

19. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Nhận đặt cọc ngắn hạn	4.907.106.249	210.000.000
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	58.245.682	55.952.206
Cổ tức phải trả	11.126.430	9.676.430
Phải trả khác	583.978.760	369.394.153
	5.560.457.121	645.022.789



20. Vay ngắn hạn

	1/1/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm			31/12/2024 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Nhận nợ vay VND	Trả nợ vay VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	
Vay ngắn hạn	213.367.468.200	646.596.637.329	(715.585.183.327)	-	144.378.922.202

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	VND	3,8% - 4,5%	144.378.922.202	182.722.757.031
Khoản vay ngân hàng không có đảm bảo	USD	-	-	30.644.711.169
			144.378.922.202	213.367.468.200

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty không có khoản vay quá hạn bao gồm cả nợ gốc vay và lãi vay.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Không có biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm.

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	223.983.740.000	15.706.553.642	94.563.716.626	334.254.010.268
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	178.434.758.238	178.434.758.238
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(78.394.309.000)	(78.394.309.000)
Trích quỹ đầu tư phát triển (Thuyết minh 25)	-	13.223.259.452	(13.223.259.452)	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	223.983.740.000	28.929.813.094	181.380.906.412	434.294.459.506
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	206.624.387.590	206.624.387.590
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	(111.991.870.000)	(111.991.870.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	223.983.740.000	28.929.813.094	276.013.424.002	528.926.977.096

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***23. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2024		1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000
Vốn cổ phần đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.398.374	223.983.740.000	22.398.374	223.983.740.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm.

24. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty ngày 17 tháng 4 năm 2024 đã phê duyệt việc chia cổ tức bằng tiền với số tiền là 111.992 triệu VND (2023: 78.394 triệu VND).

25. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết tại cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty. Quỹ này được trích lập cho mục đích mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***26. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Trong vòng một năm	4.913.334.399	3.417.616.538
Từ hai đến năm năm	8.627.849.904	9.842.466.152
Sau năm năm	44.777.969.390	56.009.841.371
	58.319.153.693	69.269.924.061

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2024 VND	1/1/2024 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	13.446.645.258	2.345.153.150
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	16.139.388.141	7.007.508.332
	29.586.033.399	9.352.661.482

(c) Ngoại tệ

	31/12/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	431.119	10.845.266.716	677.461	16.326.799.737
EUR	181	4.729.566	191	5.055.815
		10.849.996.282		16.331.855.552

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2024 VND	2023 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu bán hàng hóa	1.695.706.907.578	1.822.590.338.299
▪ Doanh thu cho thuê nhà xưởng và dịch vụ khác	4.842.237.092	5.266.236.290
▪ Doanh thu khác	3.241.445.388	3.494.438.062
	1.703.790.590.058	1.831.351.012.651
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	30.358.518.467	8.569.752.920
▪ Hàng bán bị trả lại	20.770.162.494	13.128.411.971
	51.128.680.961	21.698.164.891
Doanh thu thuần	1.652.661.909.097	1.809.652.847.760

28. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2024 VND	2023 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Hàng hóa đã bán	1.222.339.262.637	1.304.615.346.518
▪ Dịch vụ cho thuê nhà xưởng và dịch vụ khác	2.587.837.915	2.739.255.865
▪ Giá vốn khác	858.950.243	180.003.328
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(17.661.226)	25.315.546.124
	1.225.768.389.569	1.332.850.151.835

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	2024 VND	2023 VND
Lãi tiền gửi	12.916.568.098	18.006.799.621
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.125.455.618	5.339.820.427
	18.042.023.716	23.346.620.048

30. Chi phí tài chính

	2024 VND	2023 VND
Chi phí lãi vay	6.220.016.003	9.258.002.806
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.644.296.075	5.464.488.847
	11.864.312.078	14.722.491.653

31. Chi phí bán hàng

	2024 VND	2023 VND
Chi phí khuyến mại, quảng cáo và hỗ trợ bán hàng	67.793.667.035	171.547.119.722
Chi phí kho vận	36.576.176.975	32.097.280.647
Chi phí nhân viên	23.492.679.101	27.300.994.493
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.917.537.312	3.511.059.948
Chi phí bán hàng khác	10.984.293.870	9.387.531.411
	142.764.354.293	243.843.986.221

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nhân viên	13.207.562.530	18.186.969.523
Chi phí khấu hao và phân bổ	3.611.989.223	3.560.355.573
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	1.297.603.744	831.168.139
Chi phí quản lý khác	14.282.848.559	15.914.172.268
	32.400.004.056	38.492.665.503

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2024 VND	2023 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.147.702.772.656	1.257.770.711.559
Chi phí nhân công và nhân viên	75.512.548.548	82.478.089.369
Chi phí khấu hao và phân bổ	21.680.985.503	21.268.077.785
Chi phí khác	156.036.441.211	253.669.924.846

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2024 VND	2023 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành Năm hiện hành	59.133.857.006	28.378.429.889
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(7.452.649.330)	(1.891.965.545)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51.681.207.676	26.486.464.344

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	258.305.595.266	204.921.222.582
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	51.661.119.053	40.984.244.516
Ưu đãi thuế	-	(14.576.512.315)
Thay đổi trong chênh lệch tạm thời	-	(18.626.143)
Chi phí không được khấu trừ thuế	20.088.623	97.358.286
	51.681.207.676	26.486.464.344

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế. Ngoài ra, Công ty có dự án đầu tư mở rộng thuộc địa bàn ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo các điều khoản của Nghị định số 218/2013/NĐ-CP và đáp ứng một trong các tiêu chí theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC, được sửa đổi và bổ sung bởi Thông tư số 96/2015/TT-BTC, và do đó Công ty được hưởng ưu đãi về thời gian miễn thuế và giảm thuế đối với phần lợi nhuận chịu thuế tăng thêm từ dự án đầu tư mở rộng (không được hưởng mức thuế suất ưu đãi) như sau:

- Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư mở rộng có lợi nhuận chịu thuế (2018 - 2019); và
- Giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo (2020 - 2023).

(d) Các khoản thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ các cơ quan thuế khác nhau. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau, các cơ quan này có thẩm quyền áp đặt các mức phạt và tính lãi chậm nộp. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là cao hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải của Ban Giám đốc về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách diễn giải khác và ảnh hưởng đến báo cáo tài chính có thể là đáng kể.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***35. Lãi trên cổ phiếu****(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được tính dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong năm, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2024 VND	2023 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	206.624.387.590	178.434.758.238

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2024 Cổ phiếu	2023 Cổ phiếu
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm	22.398.374	22.398.374

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 VND	2023 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.225	7.966

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng. Do vậy, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty mẹ của công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan		
Bán hàng hóa và dịch vụ	359.969.302.879	441.400.060.021
Mua hàng hóa	8.225.885.067	35.149.077.903
Phí hỗ trợ quản lý	-	3.996.446.998
Công ty mẹ		
Công ty TNHH Masan HPC		
Cổ tức công bố	58.518.150.000	40.962.705.000
Các bên liên quan khác		
Nhà máy Hóa chất Biên Hòa – Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		
Mua hàng hóa	23.685.695.000	54.747.686.600
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hóa chất Miền Nam		
Mua hàng hóa	13.045.540.000	14.987.301.306
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam		
Cổ tức công bố	40.322.490.000	28.225.743.000
Công ty Cổ Phần Mobicast		
Mua dịch vụ	119.247.475	139.408.448
Công ty TNHH MEATDeli HN		
Bán hàng hóa	12.440.478	24.200.110
Công ty TNHH MEATDeli Sài Gòn		
Bán hàng hóa	21.449.100	11.450.900
Công ty TNHH MEATDeli HN – Chi nhánh Hà Nam 02		
Bán hàng hóa	10.510.059	21.909.930
Công ty TNHH Thực phẩm 3F Việt		
Bán hàng hóa	10.724.550	17.634.386
Công ty TNHH Một Thành viên Công nghiệp Masan		
Bán tài sản cố định	277.919.307	-
Bán hàng hóa	-	7.849.274
Mua hàng hóa	14.400.000	-

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2024 VND	2023 VND
Công ty Cổ phần Masan JinJu		
Bán hàng hóa	-	9.160.720
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp WinCommerce		
Mua hàng hóa	286.417.145	15.690.150
Công ty TNHH Masan Brewery MB		
Mua dịch vụ	315.000.000	-
Công ty TNHH Một Thành viên Masan Brewery Distribution		
Mua hàng hóa	46.080.000	-
Thành viên quản lý chủ chốt		
Thù lao	4.532.947.715	4.140.446.998

Trong thù lao cho các thành viên quản lý chủ chốt có các khoản phí, lương và thưởng đã chi trả cho từng thành viên Hội đồng Quản trị, Ủy ban Kiểm toán và Tổng Giám đốc của Công ty như sau:

Tên	Chức vụ	2024 VND	2023 VND
Hội đồng Quản trị			
Ông Trương Công Thắng	Chủ tịch	-	-
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên	-	-
Ông Huỳnh Việt Thắng	Thành viên	-	-
Ông Trần Quốc Cương	Thành viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Hồng Hải	Thành viên	-	-
	(từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)	34.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên	-	-
	(đến ngày 16 tháng 4 năm 2024)	14.000.000	48.000.000
Ông Vũ Quốc Tuấn	Thành viên	-	-
Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên	48.000.000	48.000.000
		-	-
Ủy ban Kiểm toán			
Ông Huỳnh Việt Thắng	Chủ tịch	-	-
Bà Lưu Thanh Hồng	Thành viên	-	-
	(từ ngày 17 tháng 4 năm 2024)	-	-
Bà Nguyễn Thị Phương Thùy	Thành viên	-	-
	(đến ngày 16 tháng 4 năm 2024)	-	-

Công ty Cổ phần Bột giặt NET**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***Ban Giám đốc**

Ông Mai Đức Lâm

Tổng Giám đốc

(từ ngày 1 tháng 3 năm 2024)

2.260.791.910

-

Ông Phan Trọng Chính

Tổng Giám đốc

(đến ngày 29 tháng 2 năm 2024)

733.537.342

3.099.714.990

37. Sự kiện sau ngày lập bảng cân đối kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập bảng cân đối kế toán cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

Ngày 24 tháng 2 năm 2025

Người lập:

Nguyễn Thị Thúy Diệu
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Thành Luân
Kế toán trưởngMai Đức Lâm
Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



MAI ĐỨC LÂM

CÔNG TY CỔ
PHẦN BỘT
GIẶT NET

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT
GIẶT NET
DN: cn=, o=ĐỒNG NAI, st=Huyện Long
Thành, ou=CÔNG TY CỔ PHẦN BỘT GIẶT
NET, c=VN, email=info@bongnai.com.vn, serial=100, 1.1=4087
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2025.03.24 17:04:19+07'00'
Print PDF Reader Version: 11.2.1